TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2017/DS-ST
Ngày: 04/8/2017
V/v: Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ
TỈNH KIÊN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đào Đức Luân**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Trương Hoài Khanh**

2. Bà **Chung Kim Sang**

Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Mỹ Linh** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Trong ngày 04 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số: 111/2016/TLST-DS, ngày 04 tháng 7 năm 2017 về việc: "Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2017/QĐXX-ST, ngày 25 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **T**, sinh năm 1967

Địa chỉ: Số 572/9/7/6, đường T, KP. 5, P. L, TP. G, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Ông **H**, sinh năm 1965

Địa chỉ: Số 462/18, đường D, KP. 7, P. H, TP. G, tỉnh Kiên Giang

(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/4/2017 và lời khai trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn – ông T trình bày: Nguyên vào năm 2014, ông có cho ông H vay tiền 04 lần, cụ thể: ngày 09/02/2014 cho vay số tiền 40.000.000 đồng, ngày 02/4/2014 cho vay số tiền 20.000.000 đồng, ngày 12/4/2014 cho vay số tiền 30.000.000 đồng, ngày 14/4/2014 cho vay số tiền

20.000.000 đồng, tổng cộng 110.000.000 đồng, các bên thỏa thuận là khi nào ông có nhu cầu sử dụng thì sẽ báo trước 01 tháng để ông H chuẩn bị tiền trả cho ông.

Đầu năm 2015, gia đình ông có việc cần tiền sử dụng nên ông có báo trước cho ông H chuẩn bị tiền trả cho ông. Sau đó, ông H có làm giấy biên nhận trong thời gian từ ngày 12/4/2015 đến ngày 12/4/2017 sẽ trả dứt điểm cho ông số tiền 110.000.000 đồng, ông đồng ý với đề nghị trên của ông H và giữ biên nhận để làm tin. Tuy nhiên, từ đó cho đến nay ông H vẫn không trả tiền cho ông mà còn thách thức ông đi thưa kiện. Ông không thống nhất đối với việc ông H cho rằng ông hùn vốn với ông H để cho vay lấy lãi, mà là do ông H đề nghị ông cho ông H vay, số tiền lãi có được từ việc ông H cho vay lại sẽ chia đôi, các bên không có thỏa thuận lãi suất cụ thể là bao nhiêu, do tin tưởng nên ông H giao tiền lãi bao nhiêu thì ông lấy bấy nhiêu, ông thừa nhận có lấy tiền lãi từ ông H giao nhưng do ông không ghi sổ sách hơn nữa thời gian đã lâu nên ông không nhớ được, nay ông tự nguyện xác nhận là đã nhận 10.000.000 tiền lãi từ ông H và đồng ý khấu trừ số tiền trên vào khoản nợ gốc nên chỉ yêu cầu ông H trả cho ông khoản nợ 100.000.000 đồng.

Nay ông T rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể ông chỉ yêu cầu ông H trả cho ông khoản nợ gốc 100.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

- Qua lời khai trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn – ông H trình bày: Thông qua người bạn nên ông quen biết với ông T từ năm 2013, công việc thường ngày của ông là cho vay lấy tiền lãi để có thu nhập, do ông T thấy ông cho vay có lợi nhuận, sinh lời cao nên mới đề nghị với ông là sẽ giao tiền vốn cho ông để cho người khác vay lại, lợi nhuận từ tiền lãi thu được sẽ chia đôi, ông cho người khác vay với hình thức là tiền đứng, thỏa thuận cứ cho vay số tiền 1.000.000 đồng thì lấy lãi mỗi ngày là 10.000 đồng cho đến khi người vay trả được khoản nợ gốc thì kết thúc. Ông T giao cho ông được 03 lần tiền,cụ thể: lần 01 giao 20.000.000 đồng, lần 02 giao 50.000.000 đồng, lần 03 giao 40.000.000 đồng, tổng cộng 110.000.000 đồng, ông không nhớ được thời gian ông T đưa tiền do đã quá lâu, lúc đó các bên chỉ nói miệng không có làm biên nhận thỏa thuận những nội dung như trên và các lần giao tiền. Từ thời điểm ông bắt đầu nhận tiền của ông T để cho người khác vay lại, khi lấy lãi thì ông đều chia đôi lợi nhuận và giao đầy đủ cho ông T, do không có ghi lại sổ sách nên ông không nhớ được tổng số tiền lãi đã giaovà ông cũng không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh sự việc giao tiền trên. Đến khoảng năm 2015, ông làm ăn thất bại do những người vay tiền đã bỏ trốn, cố tình không trả nợ nên ông không thể giao được tiền lãi cho ông T như thỏa thuận, lúc

đó ông T yêu cầu ông trả lại tổng số tiền đã giao nên ông bàn bạc với ông T cho ông gia hạn trong thời gian 02 năm từ ngày 12/4/2015 đến ngày 12/4/2017 sẽ trả toàn bộ số tiền 110.000.000 đồng cho ông T, các bên có làm biên nhận vào ngày 12/4/2015 thể hiện nội dung thỏa thuận trên. Trong thời gian kiếm nguồn tiền trả nợ, con ông lại quậy phá, lấy tài sản trong gia đình đi bán để ăn chơi, ngoài nợ ông T thì ông còn nợ ngân hàng, ông không đòi được các khoản nợ của người khác vay ông nên ông không còn khả năng trả nợ cho ông T.

Nay ông thống nhất còn nợ ông T số tiền 110.000.000 đồng nhưng yêu cầu Tòa án xem xét khấu trừ lại phần tiền lãi mà ông đã giao cho ông T, khoản nợ còn lại sau khi khấu trừ, ông đồng ý trả nhưng ông xin gia hạn cho ông đến khi nào tạo được thu nhập sẽ trả dần cho ông T đến khi hết nợ, thời gian trả và số tiền xin trả dần thì ông không biết được.Trường hợp ông T không đồng ý thì ông yêu cầu Tòa án giải quyết theo đúng quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Nguyên đơn – ông T yêu cầu bị đơn – ông H thanh toán số tiền nợ vay gốc đã vi phạm nghĩa vụ là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp giữa ông T và ông H là "Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Các đương sự tranh chấp về hợp đồng dân sự, bị đơn có nơi cư trú tại TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang. Do đó, căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Về nội dung vụ án:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, kèm theo tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án là *biên nhận thỏa thuận trả nợ lập ngày 12/4/2015* thể hiện nội dung: ông H thừa nhận còn nợ ông T số tiền 110.000.000 đồng và xin được gia hạn trong thời gian 02 năm từ ngày 12/4/2015 đến ngày 12/4/2017 sẽ trả toàn bộ số tiền 110.000.000 đồng cho ông T. Mặt khác, trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị đơn – ông H thừa nhận có nợ ông T số tiền 110.000.000 đồng và có ký xác nhận nội dung thỏa thuận theo

biên nhận lập ngày 12/4/2015. Do đó, Hội đồng xét xử xác định thỏa thuận giữa ông T và ông H là hợp đồng vay có kỳ hạn, ông H có vay tiền và nhận đủ số tiền 110.000.000 đồng của ông T là sự thật, do ông T tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện và chỉ yêu cầu ông H trả số tiền 100.000.000 đồng, nên cần buộc ông H phải trả cho ông T toàn bộ số tiền 100.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp quy định tại các Điều 471, 474 và 478 Bộ luật Dân sự năm 2005.

[2] Xét yêu cầu của bị đơn về việc tính lại số tiền lãi đã giao cho nguyên đơn để khấu trừ qua nợ gốc: Ông H cho rằng từ thời điểm ông bắt đầu nhận tiền của ông T để cho người khác vay lại, khi lấy lãi thì ông đều chia đôi lợi nhuận và giao đầy đủ cho ông T, ông giao tiền lãi cho ông T rất nhiều lần nhưng ông không nhớ được số lần giao cũng như tổng số tiền lãi đã giao do không có ghi lại sổ sách nên ông không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh sự việc trên. Mặt khác, ông T thừa nhận có lấy tiền lãi do ông H giao nhưng ông không nhớ được cụ thể số tiền lãi đã nhận, ông T tự nguyện xác định đã nhận của ông H 10.000.000 đồng tiền lãi và đồng ý khấu trừ vào khoản nợ gốc. Do đó, căn cứ vào Điều 91 và Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định không xem xét lại phần lãi đã giao của bị đơn, nhưng cần phải xem xét quyền lợi của bị đơn nên Hội đồng xét xử quyết định ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc thừa nhận đã nhận 10.000.000 đồng tiền lãi và khấu trừ vào khoản nợ gốc 110.000.000 đồng.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – ông T, buộc bị đơn – ông H có nghĩa vụ thanh toán khoản nợ gốc 100.000.000 đồng.

Về án phí sơ thẩm có giá ngạch:

- Buộc bị đơn – ông H chịu nghĩa vụ nộp số tiền án phí: 100.000.000 đồng x 5% = 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

- Hoàn trả cho nguyên đơn – ông T toàn bộ số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 2.750.000 đồng (hai triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007401 ngày 16/6/2017.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 244, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 471, 474 và 478 Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Áp dụng khoản 6 Điều 19, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH124, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – ông T về việc "Tranh chấp hợp về đồng dân sự vay tài sản" đối với bị đơn – ông H.

2. Buộc bị đơn – ông H có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn – ông T số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng)

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 10.000.000 đồng mà nguyên đơn yêu cầu rút do đã tự nguyện khấu trừ qua khoản nợ gốc 110.000.000 đồng.

3. Về án phí:

- Buộc bị đơn – ông H chịu nghĩa vụ nộp số tiền án phí: 100.000.000 đồng x 5% = 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

- Hoàn trả cho nguyên đơn – ông T toàn bộ số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 2.750.000 đồng (hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007401 ngày 16/6/2017.

4. Về nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP. Rạch Giá;
- Chi cục THA dân sự TP. Rạch Giá;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Đào Đức Luân